

Bản án số: **254/2020/HSPT**

Ngày 17/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Hùng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Ông Quách Văn Thành.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Phương.

Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151/2020/HSPT ngày 10 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L., do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

**** Bị cáo kháng cáo:***

1. Họ và tên: **Phạm Văn Kh.**, sinh năm 1962 tại xã H.N, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn Đ.Q, xã H.N (nay là xã Y.S), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị S (đều đã chết); Vợ Đỗ Thị Q; có 02 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Họ và tên: **Đặng Văn L.**, sinh năm 1989 tại xã H.N (nay là xã Y.S), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn N.Đ, xã H.N (nay là xã Y.S), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: công chức; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T (đã chết) và bà Đặng Thị M; Vợ là Lê Thị N. Nh. (đã ly hôn); có ba con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam từ ngày 12/6/2018 đến ngày 30/8/2018; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Kh.:***

Luật sư Nguyễn Văn Q.. Công ty Luật TNHH hăng luật Hưng Yên - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh. Hóa.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Hải - Chủ tịch UBND huyện.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Dũng – Phó chủ tịch, có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã Y.S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Long – Chủ tịch UBND xã.

- Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn Lượng - Phó chủ tịch, có mặt.

3. Ông Hoàng Văn M., SN 1960 và bà Nguyễn Thị Nh., SN 1960.

Cùng địa chỉ: thôn 5, xã H.N (nay là xã Y.S), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
Ông M. là đại diện theo ủy quyền của bà Nh., vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Ngọc T., SN 1970 và chị Lê Thị H., SN 1974.

Cùng địa chỉ: Tiểu khu 4, Thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Ông T. là đại diện theo ủy quyền của chị H., có mặt.

5. Ông Nguyễn Ngọc Th., SN 1969 và bà Đặng Thị Ph., SN 1974.

Cùng địa chỉ: tiểu khu 3, Thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Th. là đại diện theo ủy quyền của bà Ph., vắng mặt.

6. A. Nguyễn Hải D., SN 1985 và chị Lê Thị Kh., SN 1983.

Cùng địa chỉ: thôn 5, xã H.N (nay là xã Y.S), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. A.
D. là đại diện theo ủy quyền của chị Kh., có mặt.

7. Ông Đặng Văn Th., sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Cao Lũng, xã Yên D., huyện Hà Trung, Thanh Hóa.

8. Ông Lê M. Đ., sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: tiểu khu 6, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. A. Nguyễn Xuân Q1.; sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn 1, xã H.N (nay là xã Y.S), huyện Hà Trung, tỉnh ThA. Hóa, có mặt.

2. Chị Phạm Thị A.; sinh năm: 1970; nơi cư trú: thôn Đ.C xã H.N (nay là xã Y.S), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

3. Ông Phạm Hồng Th1.; sinh năm: 1955; nơi cư trú: thôn 5, xã H.N (nay là xã Y.S) , huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

4. Chị Lê Thị V.; sinh năm: 1971: nơi cư trú: thôn N.Đ, xã H.N (nay là xã Y.S), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2015, các ông Hoàng Văn M., trú tại thôn 5 xã H.N; Nguyễn Hải D., trú tại thôn 3 xã H.N (cũ) nay là xã Y.S; Nguyễn Ngọc T., trú tại tiểu khu 4 thị trấn Hà Trung; Nguyễn Ngọc Th., trú tại tiểu khu 3 thị trấn Hà Trung đến Ủy ban nhân dân xã gặp Phạm Văn Kh., Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H.N (cũ) nay là xã Y.S đề nghị xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở. Sau khi nhận đề nghị của ông M., ông Th., ông D. và ông T., Phạm Văn Kh. đã giao cho Đặng Văn L. là công chức địa chính xã lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho các trường hợp trên. Mặc dù Phạm Văn Kh. biết rõ

nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất và được Đặng Văn L. báo cáo là theo quy định của pháp luật thì các thửa đất nêu trên không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, nhưng vì nể nang, tình cảm cá nhân, lại nôn nóng muốn có nguồn thu cho địa Ph. để xây dựng công trình nên Phạm Văn Kh. chỉ đạo Đặng Văn L. lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đề nghị của công dân. Quá trình thiết lập hồ sơ, Phạm Văn Kh. không tổ chức Hội nghị thẩm tra, không tổ chức Hội nghị xem xét nguồn gốc sử dụng đất của các hộ nêu trên nhưng Phạm Văn Kh. vẫn ký không các văn bản hội nghị. Từ đó để Đặng Văn L. lập không các biên bản Hội nghị, mạo chữ ký của các thành phần tham gia nhằm hợp thức hoá hồ sơ, cố ý xác định sai nguồn gốc, thời điểm, vị trí sử dụng đất.

Hành vi của Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. thực hiện nhiều lần, cụ thể:

Lần 1, từ ngày 02/3/2015 đến ngày 26/3/2015 hoàn Th. hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn M.. Thửa đất này theo bản đồ địa chính năm 2014 thuộc thửa số 112, tờ bản đồ số 21 là loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân xã H.N (cũ) nay là xã Y.S quản lý. Nhưng Phạm Văn Kh., Đặng Văn L. đã lập hồ sơ không đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M. theo thủ tục xã giao trái thẩm quyền năm 2003 vào mục đích đất ở nông thôn với diện tích 200m² trong hạn mức được giao đất ở theo quy định của pháp luật chỉ phải nộp 50% tiền sử dụng đất gây thất thu cho ngân sách nhà nước 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và công nhận quyền sử dụng đất 535m² nộp 100% tiền sử dụng đất. Ngày 23/4/2015 ông Hoàng Văn M. và vợ là bà Nguyễn Thị Nh. đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 715008.

Lần 2, từ ngày 10/02/2015 đến ngày 10/5/2015 hoàn Th. hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc T.. Theo mặt bằng quy hoạch chi tiết đất ở khu dân cư thôn Nghè Đỏ, xã H.N (cũ) nay là xã Y.S được Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung phê duyệt ngày 24/11/2010 thửa đất này là đất hành lang cây xA. đường đi vào nghĩa trang thị trấn Hà Trung. Theo bản đồ địa chính năm 2014 thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 23, loại đất ở nông thôn, năm 2012 Ủy ban nhân dân xã H.N cho ông T. thuê kinh doanh vật liệu xây dựng theo hợp đồng số 02 ngày 29/2/2012. Nhưng Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. đã lập hồ sơ không đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho ông T. theo thủ tục xã giao trái thẩm quyền năm 2003 vào mục đích đất ở với diện tích 100m², nên theo quy định của pháp luật ông Nguyễn Ngọc T. chỉ phải nộp 50% tiền sử dụng đất, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*). Ngày 29/5/2015 ông Nguyễn Ngọc T. và vợ là bà Lê Thị H. đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 781518.

Lần 3, từ ngày 10/4/2015 ngày 06/5/2015 hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc Th., thửa đất này theo bản đồ địa chính năm 2014 là thửa đất số 7, tờ bản đồ số 23, loại đất sản xuất kinh doanh do Ủy ban nhân dân xã H.N (cũ) nay là xã Y.S quản lý. Theo mặt bằng quy hoạch chi tiết đất ở khu dân cư xã H.N được Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung phê duyệt năm 2010 vị trí thửa đất ông Th. đang sử dụng là đất lưu không đường điện; Nhưng Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. đã lập hồ sơ không đề nghị cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất ở cho ông Th. theo thủ tục xã cấp trái thẩm quyền năm 2003 vào mục đích đất ở với diện tích 100m², ông Nguyễn Ngọc Th. chỉ phải nộp 50% tiền sử dụng đất, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*). Ngày 08/6/2015 ông Nguyễn Ngọc Th. và vợ là bà Đặng Thị Ph. đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 781582.

Lần 4, từ ngày 20/02/2015 đến ngày 29/5/2015 hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho ông Nguyễn Hải D.. Theo bản đồ địa chính năm 2014 xã H.N thì thửa đất thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 20 là đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân xã H.N (cũ) nay là xã Y.S quản lý. Theo mặt bằng quy hoạch chi tiết sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung phê duyệt năm 2009 là đất hành lang lưới điện. Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. đã lập hồ sơ không đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho ông D. theo thủ tục xã giao trái thẩm quyền năm 2009 với diện tích 80m². Sau khi hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển về Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hà Trung, được ông Lê M. Đ. (khi đó là chuyên viên) nhờ L. viết giúp Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Lợi dụng sự thiếu kiểm soát của ông Đ., Đặng Văn L. đã điền loại đường “*đoạn đường từ ngã 4 thôn 1 đến nhà ông Tụng thôn 5*”, là loại đường không có trong bảng giá đất phi nông nghiệp theo Quyết định số 4545/2014 ngày 18/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ThA. Hóa, để Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ký ban hành, sau đó L. photo tờ phiếu này và chỉnh sửa loại đường thành “*Đoạn đường từ ngã 4 thôn 1 đến ngã 3 thôn 3*” là loại đường có trong bảng giá đất phi nông nghiệp theo Quyết định số 4545/2014 ngày 18/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ThA. Hóa với giá đất là 500.000 đồng. L. photo tờ phiếu đã chỉnh sửa và tự ghi số chứng thực vào bản photo rồi đóng dấu chứng thực đưa cho Phạm Văn Kh. ký chứng thực. Trên thực tế thửa đất 89, tờ bản đồ số 20 nằm ở loại đường “*Từ cầu Làng Ninh đến nhà ông Tụng xóm 5*” là loại đường có trong bảng giá đất phi nông nghiệp theo Quyết định số 4545/2014 ngày 18/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ThA. Hóa với giá đất là 1.000.000 đồng. Việc xác định sai vị trí đất nên ông Nguyễn Hải D. chỉ phải nộp 50% tiền sử dụng đất, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước 40.000.000 đồng.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 33/2020/HSST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung đã quyết định:** Căn cứ điểm b, khoản 2, khoản 4, Điều 281; Điều 20; Điều 33; Điều 36; Điều 53 BLHS năm 1999 đối với cả hai bị cáo. Khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Phạm Văn Kh.

1. Về tội dA.: Các bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn Kh. 5 (*năm*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; bị cáo Đặng Văn L. 5 (*năm*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/6/2018 đến ngày 30/8/2018.

Cấm các bị cáo Phạm Văn Kh., Đặng Văn L. đảm nhiệm chức vụ ở cơ quan Nhà nước trong thời hạn 5 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền Kh.ng cáo của bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

*** Sau khi xét xử:**

- Ngày 03/6/2020, bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. kháng cáo cùng nội dung: Tòa sơ thẩm xử 05 năm với tội danh “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là oan. Nên kháng cáo toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung.

- Ngày 23/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-P7 với nội dung:

1. Cấp sơ thẩm không xác định bị hại trong vụ án: Bản án sơ thẩm xác định bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. thực hiện hành vi phạm tội 04 lần, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước 440.000.000đ nhưng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử không đưa UBND huyện Hà Trung tham gia với tư cách là người bị hại mà tham gia với tư cách là người có QLVN liên quan là vi phạm khoản 1 Điều 62 BLTTHS năm 2015.

2. Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. dẫn đến thiệt hại cho Ngân sách UBND huyện Hà Trung 440.000.000đ. Tuy nhiên Bản án không truy thu số tiền những người liên quan được hưởng lợi bất chính (từ việc chỉ phải nộp 50% tiền sử dụng đất) để nộp Ngân sách Nhà nước là gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của bị hại.

Vì các lẽ trên; Kh.ng nghị Bản án sơ thẩm số 33/2020/HSST ngày 03/6/2020 của TAND huyện Hà Trung đề nghị xét xử lại theo hướng: Hủy toàn bộ bản án để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

- Các bị cáo đều giữ nguyên kháng cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Bản án sơ thẩm xác định bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. thực hiện hành vi phạm tội 04 lần, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước 440.000.000đ nhưng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử không đưa UBND huyện Hà Trung tham gia với tư cách là người bị hại mà tham gia với tư cách là người có QLVN liên quan là vi phạm khoản 1 Điều 62 BLTTHS năm 2015. Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. dẫn đến thiệt hại cho Ngân sách UBND huyện Hà Trung 440.000.000đ. Tuy nhiên Bản án không truy thu số tiền những người liên quan được hưởng lợi bất chính để nộp Ngân sách Nhà nước là gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của bị hại.

Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 BLTTHS đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 33/2020/HSST ngày 03/6/2020 của TAND huyện Hà Trung để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm bào chữa của Luật sư và của các bị cáo; Các bị cáo không có động cơ vụ lợi; các bị cáo chỉ là người đề nghị còn việc cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất thuộc thẩm quyền của UBND huyện; Cục thuế giám định thiệt hại chỉ dựa vào thông tin địa phương cung cấp là không chính xác; Không phát sinh thiệt hại đối với Nhà nước; Kết luận điều tra chỉ dựa vào bản đồ địa chính là không chính xác; không xử lý đối với những người có liên quan trong việc cấp giấy chứng nhận là không công bằng; Sai phạm của các bị cáo chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà chỉ bị xem xét xử lý về mặt hành chính... Vì vậy các bị cáo bị oan nên đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại như quan điểm của Viện kiểm sát Kh.ng nghị để đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trA. tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của các bị cáo, Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa làm trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo; Viện Kiểm sát và vẫn giữ nguyên kháng nghị nên được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung Kh.ng cáo:

- Về hành vi phạm tội: Các bị cáo đều không thừa nhận hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã đã điều tra, truy tố và xét xử, lý do là các bị cáo thực hiện một số sai phạm chỉ đến mức xử lý về mặt hành chính, nên các bị cáo bị oan. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập và chứng minh, căn cứ vào lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm kết luận như sau:

Từ tháng 2/2015 đến tháng 5/2015, Phạm Văn Kh. là Chủ tịch UBND xã và Đặng Văn L. là công chức địa chính xã H.N (nay là xã Y.S), huyện Hà Trung đã “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” để phục vụ cho lợi ích và uy tín cá nhân, đã thực hiện một số hành vi vi phạm trong việc lập hồ sơ giả cho các hộ dân không đủ điều kiện để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

Mặc dù Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai tại địa phương không được thông báo và cũng không tổ chức Hội nghị thẩm tra và Hội nghị xem xét nguồn gốc đất của các hộ nhưng các bị cáo đã lập 04 bộ hồ sơ giả bằng cách lập biên bản các Hội nghị và ký giả các chữ ký của ông Đặng Xuân Q1. – Phó Chủ tịch UBND xã, bà Phạm Thị A. – Chủ tịch MTTQ xã, ông Phạm Hồng Th1. – Trưởng thôn 5, bà Lê Thị V. – Trưởng thôn N.Đ cùng các thành viên khác thuộc Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở đó, Phạm Văn Kh. đã ký vào biên bản với tư cách là Chủ tịch hội đồng và Đặng Văn L. đã ký với tư cách là cán bộ địa chính xã vào các biên bản trên, cố tình xác định sai nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và đề nghị UBND huyện Hà Trung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 04 trường hợp các gia đình, gồm:

- *Trường hợp thứ nhất:* Từ ngày 02/3/2015 đến ngày 26/3/2015, đã hoàn Th. hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn M.. Thừa

đất này theo bản đồ địa chính năm 2014 thuộc thửa số 112, tờ bản đồ số 21 là loại đất trồng cây lâu năm, do UBND xã H.N (cũ) nay là xã Y.S quản lý. Nhưng Phạm Văn Kh., Đặng Văn L. đã lập hồ sơ không đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M. theo thủ tục xã giao trái thẩm quyền năm 2003 vào mục đích đất ở nông thôn với diện tích 200m² trong hạn mức được giao đất ở theo quy định của pháp luật chỉ phải nộp 50% tiền sử dụng đất, gây thất thu cho ngân sách nhà nước 80.000.000 đồng và công nhận quyền sử dụng đất 535m² nộp 100% tiền sử dụng đất. Ông Hoàng Văn M. và bà Nguyễn Thị Nh. đã được UBND huyện Hà Trung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 715008 ngày 23/4/2015

- *Trường hợp thứ hai:* Từ ngày 10/02/2015 đến ngày 10/5/2015 đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc T.. Theo mặt bằng quy hoạch chi tiết đất ở khu dân cư thôn N.Đ, xã H.N (cũ) nay là xã Y.S được UBND huyện Hà Trung phê duyệt ngày 24/11/2010, thửa đất này là đất hành lang cây xanh đường đi vào nghĩa trang thị trấn Hà Trung. Theo bản đồ địa chính năm 2014 thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 23, loại đất ở nông thôn, năm 2012 UBND xã H.N cho ông T. thuê kinh doanh vật liệu xây dựng theo hợp đồng số 02 ngày 29/2/2012. Nhưng Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. đã lập hồ sơ không đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho ông T. theo thủ tục xã giao trái thẩm quyền năm 2003 vào mục đích đất ở với diện tích 100m², nên theo quy định của pháp luật ông Nguyễn Ngọc T. chỉ phải nộp 50% tiền sử dụng đất, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước 160.000.000 đồng. Ông Nguyễn Ngọc T. và bà Lê Thị H. đã được UBND huyện Hà Trung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 781518 ngày 29/5/2015.

- *Trường hợp thứ ba:* Từ ngày 10/4/2015 ngày 06/5/2015 đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc Th.. Thửa đất này theo bản đồ địa chính năm 2014 là thửa đất số 7, tờ bản đồ số 23, loại đất sản xuất kinh doanh do UBND xã H.N (cũ) nay là xã Y.S quản lý. Theo mặt bằng quy hoạch chi tiết đất ở khu dân cư xã H.N được Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung phê duyệt năm 2010 vị trí thửa đất ông Th. đang sử dụng là đất lưu không đường điện; Nhưng Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. đã lập hồ sơ không đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho ông Th. theo thủ tục xã cấp trái thẩm quyền năm 2003 vào mục đích đất ở với diện tích 100m², ông Nguyễn Ngọc Th. chỉ phải nộp 50% tiền sử dụng đất, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước 160.000.000 đồng. Ông Nguyễn Ngọc Th. và vợ là bà Đặng Thị Ph. đã được UBND huyện cấp giấy CNQSD đất số BY 781582 ngày 08/6/2015.

- *Trường hợp thứ tư:* Từ ngày 20/02/2015 đến ngày 29/5/2015 đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho ông Nguyễn Hải D.. Theo bản đồ địa chính năm 2014 xã H.N thì thửa đất thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 20 là đất trồng cây lâu năm, do UBND xã H.N (cũ) nay là xã Y.S quản lý. Theo mặt bằng quy hoạch chi tiết sử dụng đất được UBND huyện Hà Trung phê duyệt năm 2009 là đất hành lang lưới điện. Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. đã lập hồ sơ không đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho ông D. theo thủ tục xã giao trái thẩm quyền năm 2009 với diện tích 80m². Sau khi hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển về Văn phòng đăng ký quyền

sử dụng đất huyện Hà Trung, được ông Lê M. Đ. (khi đó là chuyên viên) nhờ L. viết giúp Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Lợi dụng sự thiếu kiểm soát của ông Đ., Đặng Văn L. đã điền loại đường “*đoạn đường từ ngã 4 thôn 1 đến nhà ông Tụng thôn 5*”, là loại đường không có trong bảng giá đất phi nông nghiệp theo Quyết định số 4545/2014 ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa, để Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ký ban hành, sau đó L. photo tờ phiếu này và chỉnh sửa loại đường thành “*Đoạn đường từ ngã 4 thôn 1 đến ngã 3 thôn 3*” là loại đường có trong bảng giá đất phi nông nghiệp theo Quyết định số 4545/2014 ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa với giá đất là 500.000 đồng. L. photo tờ phiếu đã chỉnh sửa và tự ghi số chứng thực vào bản photo rồi đóng dấu chứng thực đưa cho Phạm Văn Kh. ký chứng thực. Trên thực tế thửa đất 89, tờ bản đồ số 20 nằm ở loại đường “*Từ cầu Làng Ninh đến nhà ông Tụng xóm 5*” là loại đường có trong bảng giá đất phi nông nghiệp theo Quyết định số 4545/2014 ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa với giá đất là 1.000.000 đồng. Việc xác định sai vị trí đất nên ông Nguyễn Hải D. chỉ phải nộp 50% tiền sử dụng đất, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước 40.000.000 đồng.

(Các bị cáo lập hồ sơ lập không, xác định sai nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất cho 04 trường hợp đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đã được thể hiện tại các BL từ 228 đến 310; Kết luận giám định chữ ký, chữ viết và thiệt hại Ngân sách thể hiện tại các BL từ 172 đến 227 và từ BL 901 đến 919).

Như vậy, hành vi của Phạm Văn Kh. là Chủ tịch UBND xã đã vì lợi ích, động cơ cá nhân biết rõ 4 trường hợp trên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn ký trước hồ sơ để Đặng Văn L. lập không xác định sai nguồn gốc sử dụng đất để được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Đặng Văn L. là cán bộ địa chính xã, có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch xã trong lĩnh vực đất đai ở địa phương, L. cũng biết rõ 4 thửa đất trên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã cố tình lập không 04 bộ hồ sơ giả mạo chữ ký của các thành viên (nhiều lần) để đủ điều kiện đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy, cấp sơ thẩm truy tố và xét xử các bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm b, khoản 2, Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, quan điểm bào chữa của Luật sư và của các bị cáo không phạm tội là không được chấp nhận.

Tính chất vụ án; Các bị cáo là người giữ chức vụ quan trọng của bộ máy quản lý Nhà nước ở địa phương, nhưng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố tình làm trái các quy định về quản lý đất đai, xâm phạm đến các hoạt động đúng đắn của Cơ quan Nhà nước và làm ảnh hưởng đến uy tín của Chính quyền địa phương. Hành vi của các bị cáo gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, dẫn đến việc công dân địa phương bất bình phải gửi đơn khiếu nại đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý, giải quyết trong một thời gian dài mới ổn định được tình hình. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đặc biệt trong việc vi phạm chính sách về quản lý đất đai của Nhà nước trong tình hình hiện nay nhưng các bị cáo vẫn không nhận thức được sai phạm của bản thân, không nhận trách nhiệm mà đổ lỗi cho

những lý do khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm và cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

Quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm đã xem xét: Bị cáo Phạm Văn Kh. có thời gian tham gia quân đội, hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương tham gia công tác đã được tặng thưởng nhiều giấy khen nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo đều không có tình tiết giảm nhẹ nào khác theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 46 BLHS năm 1999 hoặc khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015 nên cấp sơ thẩm xử các bị cáo mức án 05 năm tù và cấm đảm nhiệm các chức vụ có liên quan trong thời hạn 05 năm sau khi mãn hạn tù là phù hợp.

[3]. Xét nội dung kháng nghị:

- Bản án sơ thẩm xác định bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. thực hiện hành vi phạm tội 04 lần, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước 440.000.000đ nhưng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử xác định UBND huyện Hà Trung tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không phù hợp với tính chất vụ án. Do đó UBND huyện Hà Trung là đơn vị bị thiệt hại nên nên tham gia tố tụng với tư cách là “Bị hại” quy định tại Điều 62 BLTTHS năm 2015 thì mới chính xác.

- Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. dẫn đến thiệt hại cho Ngân sách UBND huyện Hà Trung 440.000.000đ. Tuy nhiên Bản án không truy thu số tiền những người liên quan được hưởng lợi bất chính (từ việc chỉ phải nộp 50% tiền sử dụng đất) để nộp Ngân sách Nhà nước là gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của bị hại là có cơ sở.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết xét xử tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã gửi Công văn số 3236/CV-TA ngày 03/9/2020 đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung trả lời các vướng mắc đối với các trường hợp trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng mục đích, thủ tục, đối tượng được cấp đất và loại đất... có thuộc trường hợp buộc phải: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi lại đất đã cấp cho các hộ dân để sử dụng vào mục đích khác không? Để làm căn cứ cho việc xét xử và quyết định đối với vụ án.

Ngày 14/9/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung đã có Công văn số 1927/UBND-TNMT trả lời: Các trường hợp trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng thuộc các trường hợp phải thu hồi đất và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó hộ ông Nguyễn Ngọc T. và bà Lê Thị H. đã được UBND huyện Hà Trung thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 781518 ngày 29/5/2015.

Căn cứ vào Công văn trả lời của Chủ tịch UBND huyện Hà Trung và trình bày tại phiên tòa thì: Các hộ còn lại thuộc trường hợp phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất sẽ được UBND huyện Hà Trung giải quyết hậu quả trong quá trình thu hồi đất, giải phóng mặt bằng theo quy định và chính sách của Luật đất đai và Luật tố tụng hành chính theo thẩm quyền.

Như vậy, nếu buộc các bị cáo hoặc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án phải bồi thường thiệt hại 440.000.000đ cho Nhà nước thì đương nhiên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã công nhận việc UBND huyện Hà Trung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ là “hợp pháp”.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung căn cứ vào các quy định của pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật liên quan xử lý và khắc phục những sai sót trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các trường hợp còn lại chưa thu hồi theo thẩm quyền. Đối với những cá nhân có liên quan khác trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Bản án sơ thẩm kiến nghị nên đề nghị Chủ tịch UBND huyện Hà Trung xử lý, giải quyết theo thẩm quyền tùy theo mức độ sai phạm.

Do đó các bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần (04 lần) theo điểm b khoản 2 Điều 281 BLHS năm 1999 như cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ.

Vì vậy, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa là có cơ sở nhưng đã được xem xét tại cấp phúc thẩm, không ảnh hưởng đến quyền lợi của “Bị hại” nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm cần phải tổ chức rút kinh nghiệm và kiểm điểm về các vi phạm tổ tụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử như kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L.; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, sửa quyết định về tư cách tố tụng của UBND huyện Hà Trung là “bị hại” tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 33/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Án phí phúc thẩm: Bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. phải chịu án phí hình sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** điểm a,b khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 62 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm văn Kh. và Đặng Văn L..

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Sửa quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung về tư cách tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là “Bị hại” trong vụ án.

***Áp dụng:** điểm b, khoản 2, khoản 4, Điều 281; Điều 20; Điều 33; Điều 36; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; Áp dụng thêm khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Phạm Văn Kh. .

*** Tuyên bố:** Các bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. phạm tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

*** Xử phạt;**

1. Bị cáo Phạm Văn Kh.: **05** (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Bị cáo Đặng Văn L.: **05** (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/6/2018 đến ngày 30/8/2018.

- Hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Phạm Văn Kh., Đặng Văn L. đảm nhiệm chức vụ ở cơ quan Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

* Án phí phúc thẩm: Bị cáo Phạm Văn Kh. và Đặng Văn L. mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Tỉnh ThA. Hóa;
- CA tỉnh ThA. Hóa;
- Sở Tư pháp ThA. Hóa;
- VKS,TA,THAHS, DS huyện Hà Trung;
- Bị cáo; Bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu H.sơ vụ án.

Hà Huy Hùng